

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI  
KHÁNH HÒA**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2014</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014</b>	<b>13 - 35</b>
<b>8. Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>	<b>36</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa được thành lập theo Quyết định số 1366/QĐ -TTg ngày 17 tháng 10 năm 2001 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000028 ngày 22 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 04 năm 2004 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07 tháng 08 năm 2006 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 10 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 11 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 17.111.700.000 VND lên 37.398.230.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4: 37.398.230.000 VND.

Cổ đông	Vốn góp đến ngày	
	31/12/2014	Tỷ lệ (%)
Văn Hiền Đức	1.347.000.000	3,60%
Hoàng Ngọc Tiên	4.969.580.000	13,29%
Nguyễn Thị Phượng	3.554.050.000	9,50%
Các cổ đông khác	27.527.600.000	73,61%
<b>Cộng</b>	<b>37.398.230.000</b>	<b>100,00%</b>

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa  
 Điện thoại : 058 - 3 831 063 - 3 831 066  
 Fax : 058 - 3 831 065  
 Mã số thuế : 4 2 0 0 4 7 6 8 6 9

**Các đơn vị trực thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Muối Xuất khẩu Hòn Khói	Phường Ninh Diêm - Thị Xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa
Nhà máy Chế biến Muối và Sản xuất Hóa Chất	Phường Ninh Diêm - Thị Xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa
Xí nghiệp Muối Cam Ranh	Xã Cam Thịnh Đông - Thành phố Cam Ranh - Tỉnh Khánh Hòa
Trạm Muối 2/4	Xã Ninh Ích - Thị xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa
Cảng Hòn Khói	Phường Ninh Hải - Thị xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa

**Hoạt động kinh doanh của Công ty:**

- Sản xuất các loại muối hạt, muối chế biến, muối Iốt và các sản phẩm sau muối;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại muối hạt, muối chế biến, muối iốt và các sản phẩm sau muối;
- Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ ngành muối;
- Khảo sát thiết kế, lập dự án xây dựng đồng muối;
- Công nghiệp hóa chất;
- Kinh doanh dịch vụ cảng biển, kho bãi và bốc xếp hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hóa.



**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Trong năm 2014, Công ty đã tạm phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2014 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 04 tháng 02 năm 2015 như sau:

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số tiền (VND)</u>
Quỹ đầu tư phát triển	2%	337.389.828
Quỹ dự phòng tài chính	3%	506.084.741
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	2.530.423.708
<b>Cộng</b>		<b>3.373.898.277</b>

Ngoài ra, trong năm Công ty đã chia cổ tức năm 2013 theo tỷ lệ 11,5%/ mệnh giá với số tiền 4.300.682.600 VND và tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 3,5%/mệnh giá là 1.308.903.400 VND theo nghị quyết của Hội đồng quản trị số 177NQ/2014/HĐQT ngày 12 tháng 5 năm 2014.

**Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 07 tháng 01 năm 2015, Công ty đã tạm chi trả cổ tức đợt 2 từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 10% mệnh giá cổ phiếu theo thống nhất tại biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 08 tháng 12 năm 2014. Cổ tức này chưa được ghi giảm chi tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Văn Hiền Đức	Chủ tịch	12 tháng 08 năm 2013	-
Lê Văn Tâm	Ủy viên	12 tháng 08 năm 2013	-
Vũ Mạnh Kiên	Ủy viên	12 tháng 08 năm 2013	-
Trương Việt Hùng	Ủy viên	12 tháng 08 năm 2013	-
Nguyễn Bá Hùng	Ủy viên	12 tháng 08 năm 2013	-

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Anh Tú	Trưởng ban	12 tháng 08 năm 2013	-
Võ Vệ	Ủy viên	12 tháng 08 năm 2013	-
Nguyễn Hữu Huân	Ủy viên	12 tháng 08 năm 2013	-

**Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày bổ nhiệm
Văn Hiền Đức	Tổng Giám đốc	12 tháng 08 năm 2013	-
Lê Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 08 năm 2013	-
Vũ Mạnh Kiên	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 08 năm 2013	-
Hoàng Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 08 năm 2013	-
Nguyễn Thị Mỹ Huệ	Kế toán trưởng	12 tháng 08 năm 2013	-



**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**Văn Miên Đức**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
**kiêm Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City  
www.a-c.com.vn

Số: 034/2015/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa, được lập ngày 17 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nha Trang, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Hàng Quỳnh Hạnh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0963-2013-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>18.801.559.252</b>	<b>9.655.648.878</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>9.978.271.980</b>	<b>1.724.446.861</b>
1. Tiền	111		1.478.271.980	1.724.446.861
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.031.111.805</b>	<b>4.480.276.560</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	4.639.255.564	3.223.148.314
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	273.650.000	1.048.468.663
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	118.206.241	208.659.583
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.576.425.899</b>	<b>3.170.332.452</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	3.576.425.899	3.170.332.452
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>215.749.568</b>	<b>280.593.005</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	29.742.221	82.196.975
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	8.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	186.007.347	190.396.030



**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>53.390.165.972</b>	<b>53.669.010.375</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>50.541.913.867</b>	<b>50.321.124.600</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	50.382.448.418	42.560.967.793
<i>Nguyên giá</i>	222		79.029.195.874	67.525.368.887
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(28.646.747.456)	(24.964.401.094)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	11.666.666	23.333.333
<i>Nguyên giá</i>	228		35.000.000	35.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(23.333.334)	(11.666.667)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	147.798.783	7.736.823.474
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.11	<b>589.354.932</b>	<b>698.619.420</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		1.154.468.881	1.154.468.881
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(565.113.949)	(455.849.461)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.647.396.000</b>	<b>1.647.396.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.647.396.000	1.647.396.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>611.501.173</b>	<b>1.001.870.355</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	611.501.173	1.001.870.355
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>72.191.725.224</b>	<b>63.324.659.253</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kê toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.878.756.961</b>	<b>16.741.172.664</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.916.211.506</b>	<b>13.629.672.603</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	4.300.051.747	3.395.789.439
2. Phải trả người bán	312	V.15	272.060.250	177.276.600
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	238.552.856	231.765.145
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	2.171.973.650	1.591.297.226
5. Phải trả người lao động	315	V.18	6.020.853.868	6.111.662.851
6. Chi phí phải trả	316	V.19	71.500.000	66.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	291.661.875	414.453.639
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	2.549.557.260	1.641.427.703
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>962.545.455</b>	<b>3.111.500.061</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	958.000.000	3.111.500.061
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.545.455	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>55.312.968.263</b>	<b>46.583.486.589</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>55.312.968.263</b>	<b>46.583.486.589</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	37.398.230.000	37.398.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(990.000)	(990.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	4.460.135.283	4.122.745.455
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	1.250.220.954	744.136.213
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	12.205.372.026	4.319.364.921
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	V.23	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>72.191.725.224</b>	<b>63.324.659.253</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.24	1.415.854.647	1.415.854.647
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		243.079.189	243.079.189
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		2.198,55	4.845,35
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 3 năm 2015



**Hoàng Thị Lan Hương**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thị Mỹ Huệ**  
Kế toán trưởng



**Văn Hiền Đức**  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		65.966.927.699	51.093.665.694
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	65.966.927.699	51.093.665.694
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	44.449.446.651	35.862.612.651
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.517.481.048	15.231.053.043
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	942.887.615	1.284.192.340
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	535.410.131	937.061.709
Trong đó: chi phí lãi vay	23		524.431.932	937.061.709
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.346.762.351	1.768.143.809
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.441.745.681	2.526.722.495
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.136.450.500	11.283.317.370
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.684.184.281	621.756.698
12. Chi phí khác	32	VI.8	540.852.842	240.979.892
13. Lợi nhuận khác	40		4.143.331.439	380.776.806
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.279.781.939	11.664.094.176
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	4.410.290.557	2.535.278.765
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>16.869.491.382</u>	<u>9.128.815.411</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>4.511</u>	<u>2.441</u>

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 3 năm 2015


Hoàng Thị Lan Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ Huệ  
Kế toán trưởng
  
Văn Hiền Đức  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.279.781.939	11.664.094.176
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9, 11	4.001.924.278	3.611.071.753
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	10.631.863	(114.201)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7, 8	(5.092.925.231)	(1.340.409.864)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	524.431.932	937.061.709
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.723.844.781	14.871.703.573
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.167.895.154)	(2.541.365.306)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(406.093.447)	(1.871.613.289)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(69.200.598)	3.300.309.837
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		442.823.936	(381.256.794)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(524.431.932)	(937.061.709)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(3.862.397.466)	(1.798.929.874)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.21	(1.622.294.151)	(1.581.270.091)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>13.514.355.969</b>	<b>9.060.516.347</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 10	(3.691.068.776)	(6.224.592.264)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7, VI.8	4.363.110.770	84.396.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.800.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		33.800.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	926.296.900	1.284.791.200
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.598.338.894</b>	<b>(4.855.404.700)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14, 22	21.320.718.012	13.725.302.180
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14, 22	(22.569.955.765)	(14.469.293.447)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(5.609.586.000)	(8.975.337.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.858.823.753)</b>	<b>(9.719.328.867)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>8.253.871.110</b>	<b>(5.514.217.220)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.724.446.861</b>	<b>7.238.549.880</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(45.991)	114.201
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>9.978.271.980</b>	<b>1.724.446.861</b>

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 3 năm 2015

  
Hoàng Thị Lan Hương  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Mỹ Huệ  
Kế toán trưởng

  
Yến Hiền Đức  
Tổng Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2014**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu muối hạt, muối chế biến, muối lốt và các sản phẩm sau muối; Nhập khẩu vật tư thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ ngành muối; Khảo sát, thiết kế, lập dự án xây dựng đồng muối; Công nghiệp hóa chất; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, kho bãi và bốc xếp hàng hóa; Vận chuyển hàng hóa.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 419 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 405 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8
Tài sản cố định khác	10 - 20

#### **6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### **7. Tài sản thuê hoạt động**

##### ***Công ty là bên cho thuê***

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

#### **8. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là nhà cửa, kho từ 5 năm đến 15 năm.

#### **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chi bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **11. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **12. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### *Chi phí khác*

Chi phí khác bao gồm các chi phí sửa chữa tàu, sửa chữa xe cầu ... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### 13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### 15. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### 16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	Từ 3% - 5%	10% vốn điều lệ



## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Từ 2% - 5%	
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Từ 10% - 15%	

Tỷ lệ trích lập cụ thể của các quỹ nêu trên và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.065 VND/USD  
31/12/2014 : 21.380 VND/USD

## **20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### ***Doanh thu bán thành phẩm***

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **21. Tài sản tài chính**

### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

### ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:



## **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá hợp lý.

#### *Nợ phải trả tài chính khác*

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **23. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **25. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	149.595.338	129.114.128
Tiền gửi ngân hàng	1.328.676.642	1.595.332.733
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	8.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.978.271.980</u></b>	<b><u>1.724.446.861</u></b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng mua muối	4.199.014.894	2.943.032.737
Phải thu khách hàng cung cấp dịch vụ	440.240.670	280.115.577
<b>Cộng</b>	<b><u>4.639.255.564</u></b>	<b><u>3.223.148.314</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	93.650.000	249.605.943
Phải trả nhà cung cấp XD CB	180.000.000	798.862.720
<b>Cộng</b>	<b><u>273.650.000</u></b>	<b><u>1.048.468.663</u></b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Bảo hiểm xã hội	51.063.400	26.934.600
Phải thu khác	67.142.841	181.724.983
<b>Cộng</b>	<b><u>118.206.241</u></b>	<b><u>208.659.583</u></b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	782.054.650	1.103.156.327
Công cụ, dụng cụ	47.087.861	23.682.898
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.614.267	-
Thành phẩm	2.741.669.121	2.043.493.227
<b>Cộng</b>	<b><u>3.576.425.899</u></b>	<b><u>3.170.332.452</u></b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	28.342.921	81.577.675
Chi phí khác	1.399.300	619.300
<b>Cộng</b>	<b><u>29.742.221</u></b>	<b><u>82.196.975</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 7. Tài sản ngắn hạn khác

Số dư tạm ứng của công nhân viên.

#### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	20.329.663.812	3.792.247.951	7.128.798.040	137.056.005	36.137.603.079	67.525.368.887
Tăng trong năm	602.958.317	684.576.331	677.600.000	-	9.933.821.539	11.898.956.187
Mua sắm mới	458.904.050	42.900.000	-	-	-	501.804.050
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	144.054.267	641.676.331	677.600.000	-	9.933.821.539	11.397.152.137
Giảm trong năm	(42.789.900)	-	(49.664.800)	-	(302.674.500)	(395.129.200)
Thanh lý tài sản	(42.789.900)	-	(49.664.800)	-	(302.674.500)	(395.129.200)
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.889.832.229</b>	<b>4.476.824.282</b>	<b>7.756.733.240</b>	<b>137.056.005</b>	<b>45.768.750.118</b>	<b>79.029.195.874</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	1.084.352.137	1.019.353.932	2.605.714.194	68.321.460	1.628.983.164	6.406.724.887
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	3.182.717.868	1.755.837.690	4.236.339.024	70.969.352	15.718.537.160	24.964.401.094
Khấu hao trong năm	745.365.222	369.934.128	578.828.703	12.882.411	2.173.982.659	3.880.993.123
Thanh lý tài sản	(7.641.057)	-	(49.664.800)	-	(141.340.904)	(198.646.761)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.920.442.033</b>	<b>2.125.771.818</b>	<b>4.765.502.927</b>	<b>83.851.763</b>	<b>17.751.178.915</b>	<b>28.646.747.456</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	17.146.945.944	2.036.410.261	2.892.459.016	66.086.653	20.419.065.919	42.560.967.793
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.969.390.196</b>	<b>2.351.052.464</b>	<b>2.991.230.313</b>	<b>53.204.242</b>	<b>28.017.571.203</b>	<b>50.382.448.418</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.273.178.918 VND và 3.193.114.084 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa. (xem thuyết minh số V.14, V.22).

#### 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	35.000.000	11.666.667	23.333.333
Tăng trong năm	-	11.666.667	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>35.000.000</b>	<b>23.333.334</b>	<b>11.666.666</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Chi phí phát sinh trong năm		Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
	Số đầu năm				
Mua sắm TSCĐ XDCB dở dang	-	677.600.000	(677.600.000)	-	-
- Công trình muối sạch xí nghiệp muối Hòn Khói	7.736.823.474	3.199.501.646	(10.719.552.137)	(68.974.200)	147.798.783
- Công trình cải tạo cầu Cảng	2.715.640	-	-	(2.715.640)	-
- Các công trình tại XN Muối Hòn Khói	7.593.184.284	1.052.435.625	(8.645.619.909)	-	-
- Các công trình tại XN Muối Cam Ranh	136.218.882	1.114.543.116	(1.101.849.215)	(1.114.000)	147.798.783
- Các hạng mục khác	-	647.691.506	(647.691.506)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.704.668</b>	<b>384.831.399</b>	<b>(324.391.507)</b>	<b>(65.144.560)</b>	<b>-</b>
	<b>7.736.823.474</b>	<b>3.877.101.646</b>	<b>(11.397.152.137)</b>	<b>(68.974.200)</b>	<b>147.798.783</b>

**11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Bao gồm nhà, kho cho thuê.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.154.468.881	455.849.461	698.619.420
Khấu hao trong năm	-	109.264.488	
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.154.468.881</b>	<b>565.113.949</b>	<b>589.354.932</b>

Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng cho thuê là 143.486.758 VND.

**12. Đầu tư dài hạn khác**

Khoản đầu tư 204.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Muối Ninh Thuận, mệnh giá 10.000 đồng với giá trị đầu tư là 1.647.396.000 VND.

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tăng trong năm		Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối năm
	Số đầu năm			
Công cụ dụng cụ	512.568.943	156.846.269	(311.870.750)	357.544.462
Chi phí khác	489.301.412	276.513.767	(511.858.468)	253.956.711
<b>Cộng</b>	<b>1.001.870.355</b>	<b>433.360.036</b>	<b>(823.729.218)</b>	<b>611.501.173</b>

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn tỉnh Khánh Hòa	3.876.051.747	3.395.789.439
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22)	424.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.300.051.747</b>	<b>3.395.789.439</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Khoản vay ngắn hạn Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh muối, lãi suất vay áp dụng theo từng giấy nhận nợ tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất vay hiện đang áp dụng là 6%/ năm, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ (tối đa 6 tháng). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị.

*Chi tiết phát sinh vay và nợ ngắn hạn như sau:*

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	3.395.789.439	-	3.395.789.439
Số tiền vay phát sinh trong năm	19.620.718.012	-	19.620.718.012
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	-	424.000.000	424.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(19.140.455.704)	-	(19.140.455.704)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.876.051.747</b>	<b>424.000.000</b>	<b>4.300.051.747</b>

#### 15. Phải trả người bán

Phải trả cho nhà cung cấp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Shioya Trading Ltd.,	224.934.499	215.363.926
Các khách hàng khác	13.618.357	16.401.219
<b>Cộng</b>	<b>238.552.856</b>	<b>231.765.145</b>

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	98.915.158	1.378.699.294	(1.361.166.589)	116.447.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.492.082.068	4.410.290.557	(3.862.397.466)	2.039.975.159
Thuế thu nhập cá nhân	300.000	329.775.784	(314.525.156)	15.550.628
Tiền thuê đất	-	234.613.677	(234.613.677)	-
Các loại thuế khác	(8.000.000)	8.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.583.297.226</b>	<b>6.361.379.312</b>	<b>(5.772.702.888)</b>	<b>2.171.973.650</b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động sản xuất muối không chịu thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ khác là 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%. Riêng thu nhập chịu thuế đối với hoạt động tinh chế muối phải nộp với thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động theo qui định tại điểm e, khoản 3 điều 19 Thông tư 78 /2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỠI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.279.781.939	11.664.094.176
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(640.284.660)	(797.285.352)
- Các khoản điều chỉnh giảm	138.335.340	206.724.648
	<u>(778.620.000)</u>	<u>(1.004.010.000)</u>
Thu nhập chịu thuế	20.639.497.279	10.866.808.824
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>4.540.689.401</b>	<b>2.716.702.206</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(130.398.844)</b>	<b>(181.423.441)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>4.410.290.557</u></b>	<b><u>2.535.278.765</u></b>

#### **Tiền thuế đất**

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### **18. Phải trả người lao động**

Tiền lương hiệu quả còn phải trả cho công nhân viên.

Quỹ tiền lương của Công ty được phê duyệt theo công văn 160/CPM ngày 22/4/2014 của Tổng Giám đốc với đơn giá là 64%/hiệu quả không lương.

#### **19. Chi phí phải trả**

Là khoản trích trước chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

#### **20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	34.166.511	-
Kinh phí công đoàn	221.216.665	32.080.368
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	150.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.278.699	232.373.271
<b>Cộng</b>	<b><u>291.661.875</u></b>	<b><u>414.453.639</u></b>

#### **21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	831.492.243	809.935.460	1.641.427.703
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế	1.265.211.854	1.265.211.854	2.530.423.708
Chi các quỹ	(858.712.658)	(763.581.493)	(1.622.294.151)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.237.991.439</u></b>	<b><u>1.311.565.821</u></b>	<b><u>2.549.557.260</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 22. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Khánh Hòa để bù đắp chi phí mua 2 xe ô tô 79A-052.22 và 79A-053.34, với lãi suất từ 11%/năm, thời hạn vay là 48 tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay. (xem tham chiếu số V.8)

##### Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	424.000.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	958.000.000	3.111.500.061
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>1.382.000.000</u></b>	<b><u>3.111.500.061</u></b>

##### Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.111.500.061	5.558.918.767
Số tiền vay phát sinh	1.700.000.000	496.022.741
Số tiền vay đã trả	(3.429.500.061)	(2.943.441.447)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(424.000.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>958.000.000</u></b>	<b><u>3.111.500.061</u></b>

#### 23. Vốn chủ sở hữu

##### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

##### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	37.398.230.000	37.398.230.000
Cổ phiếu quỹ	(990.000)	(990.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>37.397.240.000</u></b>	<b><u>37.397.240.000</u></b>

##### Cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức năm trước (11,5%/mệnh giá)	4.300.682.600	6.207.941.840
Tạm ứng cổ tức năm nay (3,5%/ mệnh giá)	1.308.903.400	2.767.395.760
<b>Cộng</b>	<b><u>5.609.586.000</u></b>	<b><u>8.975.337.600</u></b>

##### Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.739.823	3.739.823
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.739.823	3.739.823
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(99)	(99)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.739.724	3.739.724

Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu phổ thông, mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND.

#### 24. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ

Tài sản cố định của Nhà nước nhận giữ hộ khi chuyển sang Công ty cổ phần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỠI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	48.388.415.619	38.628.104.891
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.578.512.080	12.465.560.803
<b>Cộng</b>	<b><u>65.966.927.699</u></b>	<b><u>51.093.665.694</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(a)</sup>	32.635.354.992	27.391.098.314
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.814.091.659	8.471.514.337
<b>Cộng</b>	<b><u>44.449.446.651</u></b>	<b><u>35.862.612.651</u></b>

(a) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	2.071.508.801	2.982.989.055
Chi nhân công trực tiếp	20.290.132.588	15.879.475.799
Chi phí sản xuất chung	10.977.503.764	10.178.754.430
Tổng chi phí sản xuất	33.339.145.153	29.041.219.284
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(5.614.267)	-
Tổng giá thành sản xuất	33.333.530.886	29.041.219.284
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(698.175.894)	(1.650.120.970)
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b><u>32.635.354.992</u></b>	<b><u>27.391.098.314</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	147.676.900	256.503.500
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	16.590.715	23.564.639
Cổ tức, lợi nhuận được chia	778.620.000	1.004.010.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	114.201
<b>Cộng</b>	<b><u>942.887.615</u></b>	<b><u>1.284.192.340</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	524.431.932	937.061.709
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	346.336	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.631.863	-
<b>Cộng</b>	<b><u>535.410.131</u></b>	<b><u>937.061.709</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu	61.785.713	28.870.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.021.785.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.271.283.119	709.608.120
Chi phí bằng tiền khác	13.693.519	7.878.978
<b>Cộng</b>	<b><u>1.346.762.351</u></b>	<b><u>1.768.143.809</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.073.702.528	1.510.498.020
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	183.456.670	153.000.213
Chi phí khấu hao tài sản cố định	365.863.314	116.399.853
Thuế, phí và lệ phí	75.179.830	39.752.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.121.316	207.393.188
Chi phí bằng tiền khác	530.422.023	499.679.043
<b>Cộng</b>	<b><u>3.441.745.681</u></b>	<b><u>2.526.722.495</u></b>

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý tài sản cố định	82.597.962	84.396.364
Thu tiền bồi thường giao đất tại Cam Ranh	4.453.456.658	346.764.600
Thu nhập khác	148.129.661	190.595.734
<b>Cộng</b>	<b><u>4.684.184.281</u></b>	<b><u>621.756.698</u></b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
GTCL TSCĐ thanh lý tại Cam Ranh	196.482.439	4.500.000
Chi phí đền bù bồi thường giao đất Cam Ranh	172.943.850	-
Chi phí nộp phạt	2.911.343	3.000.000
Chi phí khác	168.515.210	233.479.892
<b>Cộng</b>	<b><u>540.852.842</u></b>	<b><u>240.979.892</u></b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.869.491.382	9.128.815.411
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.869.491.382	9.128.815.411
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.739.724	3.739.724
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>4.511</u></b>	<b><u>2.441</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.747.838.076	3.835.936.976
Chi phí nhân công	32.515.389.804	20.504.908.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.001.924.278	3.611.071.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.248.799.556	4.431.256.852
Chi phí khác	1.427.793.130	952.911.098
<b>Cộng</b>	<b><u>49.941.744.844</u></b>	<b><u>33.336.085.588</u></b>

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 07 tháng 01 năm 2015, Công ty đã tạm chi trả cổ tức đợt 2 từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 10% mệnh giá cổ phiếu theo thông nhất tại biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 08 tháng 12 năm 2014. Cổ tức này chưa được ghi giảm chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

##### 2. Giao dịch với các bên liên quan

###### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên gia đình mật thiết của các cá nhân này.

Thù lao Hội đồng quản trị trong năm 2014 là 321.000.000 VND (năm trước là 198.000.000 VND).

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng năm 2014 là 886.369.600 VND, năm trước là 579.500.000 VND.

###### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty TNHH Muối Khánh Vinh là khách hàng lớn và lâu năm của Công ty, đồng thời có các nhân sự quản lý chủ chốt là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Phượng - Giám đốc, sở hữu 355.405 cổ phần, chiếm 9,5% vốn điều lệ;
- Ông Nguyễn Văn Cương - Kế toán trưởng, sở hữu 186.638 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ.

Công ty phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Muối Khánh Vinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán muối hạt	23.926.005.700	15.119.057.000
Thu tiền khách hàng	22.887.821.900	12.039.199.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu Công ty TNHH Muối Khánh Vinh là 3.966.422.800 VND (số dư 01/01/2014 là 2.928.239.000 VND).

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất muối hạt và muối chế biến
- Lĩnh vực 2: Dịch vụ tại Cảng Hòn Khói

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất muối hạt và muối chế biến	Lĩnh vực dịch vụ tại Cảng Hòn Khói	Cộng
<b>Năm nay</b>			
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>48.388.415.619</u>	<u>17.578.512.080</u>	<u>65.966.927.699</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>10.964.552.595</u>	<u>5.764.420.421</u>	<u>16.728.973.016</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			942.887.615
Doanh thu hoạt động tài chính			(535.410.131)
Chi phí tài chính			4.684.184.281
Thu nhập khác			(540.852.842)
Chi phí khác			(4.410.290.557)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			<u>16.869.491.382</u>
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>2.957.056.849</u>	<u>1.786.234.683</u>	<u>4.743.291.532</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>3.405.828.070</u>	<u>1.419.825.426</u>	<u>4.825.653.496</u>
<b>Năm trước</b>			
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>38.628.104.891</u>	<u>12.465.560.803</u>	<u>51.093.665.694</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>6.942.140.273</u>	<u>3.994.046.466</u>	<u>10.936.186.739</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.284.192.340
Doanh thu hoạt động tài chính			(937.061.709)
Chi phí tài chính			621.756.698
Thu nhập khác			(240.979.892)
Chi phí khác			(2.535.278.765)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			<u>9.128.815.411</u>
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>1.808.816.174</u>	<u>5.320.456.143</u>	<u>7.129.272.317</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>3.795.044.585</u>	<u>689.968.248</u>	<u>4.485.012.833</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất muối hạt và muối chế biến	Lĩnh vực dịch vụ tại Cảng Hòn Khôi	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	39.130.850.967	26.986.580.244	66.117.431.211
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			6.074.294.013
<b>Tổng tài sản</b>			<b>72.191.725.224</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	6.885.408.817	421.512.679	7.306.921.496
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			9.571.835.465
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>16.878.756.961</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	32.523.825.115	26.092.884.994	58.616.710.109
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			4.707.949.144
<b>Tổng tài sản</b>			<b>63.324.659.253</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	6.147.025.275	3.127.901.280	9.274.926.555
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			7.466.246.109
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>16.741.172.664</b>

#### **Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### **4. Quản lý rủi ro tài chính**

##### **Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

##### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay và nợ	4.300.051.747	958.000.000	5.258.051.747
Phải trả người bán	272.060.250	-	272.060.250
Các khoản phải trả khác	36.278.699	-	36.278.699
<b>Cộng</b>	<b>4.608.390.696</b>	<b>958.000.000</b>	<b>5.566.390.696</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ	3.395.789.439	3.111.500.061	6.507.289.500
Phải trả người bán	177.276.600	-	177.276.600
Các khoản phải trả khác	382.373.271	-	382.373.271
<b>Cộng</b>	<b>3.955.439.310</b>	<b>3.111.500.061</b>	<b>7.066.939.371</b>

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay có giá trị nhỏ.

#### *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### *Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.978.271.980	-	1.724.446.861	-	9.978.271.980	1.724.446.861
Phải thu khách hàng	4.639.255.564	-	3.223.148.314	-	4.639.255.564	3.223.148.314
Các khoản phải thu khác	118.206.241	-	208.659.583	-	118.206.241	208.659.583
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.647.396.000	-	1.647.396.000	-	1.647.396.000	1.647.396.000
<b>Cộng</b>	<b>16.383.129.785</b>	<b>-</b>	<b>6.803.650.758</b>	<b>-</b>	<b>16.383.129.785</b>	<b>6.803.650.758</b>

### *Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	5.258.051.747	6.507.289.500	5.258.051.747
Phải trả người bán	272.060.250	177.276.600	272.060.250	177.276.600
Các khoản phải trả khác	36.278.699	382.373.271	36.278.699	382.373.271
<b>Cộng</b>	<b>5.566.390.696</b>	<b>7.066.939.371</b>	<b>5.566.390.696</b>	<b>7.066.939.371</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

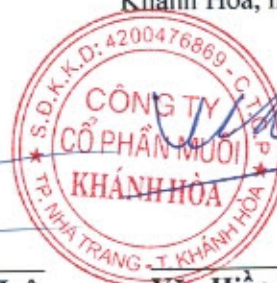
Khánh Hòa, ngày 17 tháng 3 năm 2015



Hoàng Thị Lan Hương  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mỹ Huệ  
Kế toán trưởng



Văn Hiến Đức  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỠI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 - Phường Vĩnh Phước - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu****PHỤ LỤC 1**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm trước	37.398.230.000	(990.000)	3.127.497.225	478.334.251	6.206.650.192	818.046.922	48.027.768.590	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	9.128.815.411	-	9.128.815.411	
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	177.201.308	265.801.962	(1.772.013.082)	-	(1.329.009.812)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2012	-	-	-	-	(6.207.941.840)	-	(6.207.941.840)	
Tạm ứng cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(2.767.395.760)	-	(2.767.395.760)	
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm nay	-	-	-	-	(269.350.000)	-	(269.350.000)	
Tặng/ giảm khác	-	-	818.046.922	-	600.000	(818.046.922)	600.000	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>37.398.230.000</b>	<b>(990.000)</b>	<b>4.122.745.455</b>	<b>744.136.213</b>	<b>4.319.364.921</b>	-	<b>46.583.486.589</b>	
Số dư đầu năm nay	37.398.230.000	(990.000)	4.122.745.455	744.136.213	4.319.364.921	-	46.583.486.589	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	16.869.491.382	-	16.869.491.382	
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	337.389.828	506.084.741	(3.373.898.277)	-	(2.530.423.708)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2013	-	-	-	-	(4.300.682.600)	-	(4.300.682.600)	
Tạm ứng cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(1.308.903.400)	-	(1.308.903.400)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>37.398.230.000</b>	<b>(990.000)</b>	<b>4.460.135.283</b>	<b>1.250.220.954</b>	<b>12.205.372.026</b>	-	<b>55.312.968.263</b>	

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 3 năm 2015



*ml*

**Hoàng Thị Lan Hương**  
Người lập biểu

*mm*

**Nguyễn Thị Mỹ Huệ**  
Kế toán trưởng

**Văn Hiền Đức**  
Tổng Giám đốc